ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG YÊN DŨNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1839/QĐ-UBND	*Yên Dũng, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG YÊN DŨNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 39/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xác định tuyến Bối Thắng Cương - sông Cầu từ K0+000 đến K6+300 là đê cấp V;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 30/TB-KT,HT&ĐT ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Yên Dũng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Yên Dũng tại Tờ trình số 231/TTr-KT,HT&ĐT ngày 10/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương, phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C. Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 20 năm.

3. Địa điểm xây dựng dự án: Phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Yên Dũng.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng Yên Dũng.

6. Nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Bắc (Mã số doanh nghiệp: 2400861173).

7. Mục tiêu dự án: Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương nhằm khôi phục, hoàn thiện và gia cố mặt cắt đê, nâng cao khả năng ổn định, bảo đảm an toàn công trình, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, kiểm tra, hộ đê và phòng, chống lũ theo quy định; đồng thời cải thiện điều kiện đi lại trên mặt đê, phục vụ công tác quản lý, vận hành và ứng phó khi có tình huống thiên tai xảy ra.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

Cải tạo, khôi phục mặt cắt tuyến đê bối khu vực Thắng Cương, chiều dài 6.150,38 m, gồm các nội dung chủ yếu:

- Dọn dẹp các công trình bỏ hoang, phát quang cây dại mái đê; gia cố một số vị trí mái đê bằng đất đắp; trồng cỏ bảo vệ mái đê tại các đoạn xói mòn, xuống cấp.

- Hoàn thiện mặt cắt đê, bảo đảm ổn định thân đê, chống sạt trượt và thực hiện các hạng mục cần thiết khác theo hồ sơ thiết kế.

- Kiên cố hóa mặt đê bằng kết cấu bê tông xi măng trên toàn tuyến dài 6.150,38 m, phục vụ quản lý, vận hành, kiểm tra, ứng phó, cứu hộ công trình khi xảy ra sự cố đê điều.

- Cải tạo, xây dựng lại tràn xả, điều tiết nước vào phía trong đê bối để ứng phó trường hợp lũ vượt báo động III theo phương án thiết kế.

- Các hạng mục khác: điếm canh đê, hệ thống an toàn giao thông, cột lý trình đê, mốc chỉ giới bảo vệ đê và các hạng mục phụ trợ theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

8.1. Hạng mục đê:

- Chiều rộng mặt đê tối thiểu 7,0 m; các vị trí mặt đê hiện trạng lớn hơn được giữ lại và vuốt mái theo thiết kế.

- Độ dốc ngang mặt 2%; độ dốc ngang lề 4%; bề rộng nền 7,0 m; bề rộng mặt gia cố 5,50 m; lề không gia cố tối thiểu 0,75 m mỗi bên; hệ số mái phía đồng và phía sông theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

- Kết cấu mặt đê: BTXM M250 đá 2x4 dày 25 cm; lớp lót ni lông tái sinh; cấp phối đá dăm loại II dày 15 cm; lớp đất đắp cấp 3 đầm chặt K≥0,95 dày 30 cm.

- Thân đê được bóc đất hữu cơ, đánh cấp và đắp hoàn thiện bằng đất phù hợp, đầm chặt K≥0,95; trồng cỏ bảo vệ mái; khe co, khe giãn thực hiện theo thiết kế.

- Thực hiện 02 vị trí vuốt nối đầu, cuối tuyến và 11 vị trí dốc lên đê theo hồ sơ thiết kế.

- Bố trí hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41:2024/BGTVT; cột lý trình, cọc tiêu, biển hạn chế tải trọng và mốc chỉ giới bảo vệ đê theo hồ sơ được phê duyệt.

8.2. Hạng mục tràn: Cải tạo tràn hiện trạng tại K1+473, chiều dài 12,40 m; phá dỡ tràn cũ, xây dựng tràn xả lũ và hệ thống điều tiết bằng máy đóng mở tay quay; gia cố móng, tường cánh, trụ, bản tràn, cầu công tác và kè mái hai phía theo hồ sơ thiết kế được thẩm định.

8.3. Hạng mục điếm canh đê: Xây dựng 02 điếm canh đê theo quy mô, kết cấu và hệ thống điện, nước, thoát nước, chống sét, sân và công trình phụ trợ trong hồ sơ thiết kế được thẩm định.

8.4. Các nội dung chi tiết khác: Thực hiện theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan trong hồ sơ dự án đã được thẩm định, phù hợp với nội dung Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

a. Số bước thiết kế: 02 bước.

b. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng:

- TCVN 9165:2025 – Đê sông – Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 9902:2025 – Đê sông – Yêu cầu thiết kế;

- QCVN 04-05:2022/BNNPTNT – Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020 – Công trình thủy lợi – Thành phần, nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- TCVN 8478:2018 – Công trình thủy lợi – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8481:2010 – Công trình đê điều – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;

- TCVN 8419:2022 – Công trình thủy lợi – Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông chống lũ;

- TCVN 4447:2012 – Công tác đất – Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5574:2018 – Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4054:2005 – Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 10380:2014 – Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế;

- TCCS 39:2022/TCĐBVN – Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;

- QCVN 41:2024/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 07:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 07-7:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình chiếu sáng;

- TCVN 13608:2023 – Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật – Yêu cầu thiết kế;

- Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy phạm chuyên ngành khác có liên quan được xác định trong hồ sơ thiết kế và được áp dụng theo quy định của pháp luật.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 51.825.798.000 đồng. *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 40.758.434.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 978.957.000 đồng.
- Chi phí tư vấn xây dựng: 2.859.089.000 đồng.
- Chi phí khác: 469.431.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 6.759.887.000 đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 – 2027.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

Năm	Ngân sách phường và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng cộng	Ghi chú
2026-2027	51.825.798.000	51.825.798.000	
Tổng số	**51.825.798.000**	**51.825.798.000**	

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án phân chia gói thầu: Thực hiện theo phương án do Chủ đầu tư tổ chức lập, bảo đảm phù hợp quy mô, tính chất kỹ thuật, tiến độ, tính đồng bộ và hiệu quả của dự án; việc lựa chọn nhà thầu tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

15. Các nội dung khác: Thực hiện theo Thông báo kết quả thẩm định số 30/TB-KT,HT&ĐT ngày 10/8/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, hồ sơ dự án được phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư, các phòng ban chuyên môn của UBND phường Yên Dũng căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án đảm bảo thời gian và tiết kiệm chi phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng Yên Dũng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND phường; (b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- LĐ VP, CVTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG YÊN DŨNG T.BẮC NINH

Nguyễn Thị Thanh Xuân